

Bản án số: 303/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 649/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Tấn Đ**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp 02, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Â**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh Đ, chị Â đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022, nguyên đơn anh Võ Tấn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng Â xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2021 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Â.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 07/01/2012, hiện do chị Â đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu H cho chị Â tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo Tờ tự khai ngày 11/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Â trình bày: Về quá trình hôn nhân, con chung,

tài sản chung và nợ chung như anh Đ trình bày là đúng. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh Đ, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của anh và chị Á theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Á và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của anh và chị Á, nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Đ là nguyên đơn, chị Á là bị đơn trong vụ án đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của anh Đ và chị Á.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng Á xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Tây theo Giấy chứng nhận kết hôn số 176/2011, quyển số 01/2011 ngày 02/12/2011. Theo anh Đ và chị Trang cùng trình bày thống nhất vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn.

Nay anh Đ xin ly hôn, chị Á cũng đồng ý. Lẽ ra Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị nhưng do anh Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt và không tham dự phiên hòa giải của Tòa án.

Do vậy, xét tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và cho anh Đ được ly hôn với chị Á là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[2.2]. Về con chung:

- Anh Đ và chị Á có 01 con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 07/01/2012. Hiện cháu H do chị Á đang nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục

giao con chung cho chị Á nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Á không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[3]. **Về án phí**: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Anh Đ và chị Á được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Tấn Đ;

Cho anh Võ Tấn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng Á.

2. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Á;

Giao con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 07/01/2012 cho chị Á được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Á không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Anh Võ Tấn Đ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010280 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như anh đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đ và chị Á được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Đức Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn